

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY NHẬN NỢ

Số: 14

Kèm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20250026/CVHM/KHBB ngày 29/04/2025 và các phụ lục kèm theo (nếu có)

Chúng tôi là:	CÔNG TY TNHH MTV TM&DV NGỌC THƠM	Mã CIF:	4202353
Địa chỉ trụ sở chính:	12/14/18 Đường 49, khu phố 7, phường Hiệp Bình, Tp. HCM		
Điện thoại:	0286.2906631	Fax:	
Người đại diện:	Đặng Xuân Ngọc	Chức vụ:	Giám đốc
Hợp đồng ủy quyền	01/2024/UQ-NT	Ngày:	

Chúng tôi đồng ý nhận nợ với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20240021/CVHM/KHBB ngày 17/04/2024 và các phụ lục kèm theo (nếu có) giữa chúng tôi và Ngân hàng (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng cho vay”) với các nội dung như sau:

Số tiền vay theo Hợp đồng cho vay:	20.000.000.000 đồng Hai mươi tỷ đồng.		
Số tiền đã nhận nợ/Dư nợ đến thời điểm hiện tại:	11.666.835.395 đồng Mười một tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng.		
Số tiền nhận nợ lần này:	1.982.292.000 VND Một tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn đồng		
Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay:			
<input checked="" type="checkbox"/> Bảng chuyển vào tài khoản số tiền	Tên đơn vị: Wim Food A/S Tài khoản: 90011400376820 Ngân hàng: Spar Nord Bank A/S IBAN: DK2790011400376820 SWIFT: SPNODK22 Số tiền: 1.982.292.000 VND		
Mục đích sử dụng vốn vay:	Thanh toán phần còn lại hợp đồng số 2025-0705; 2025-0706; ngày 15/05/2025; Invoice No. 203760 và 203762 ngày 30/05/2025.		
Thời hạn cho vay:	179 ngày		
Ngày giải ngân vốn cho vay:	11/07/2025	Ngày đến hạn:	06/01/2026
Lãi suất cho vay trong hạn:	<input checked="" type="checkbox"/> Cố định: 6,0%/năm <input type="checkbox"/> Điều chỉnh:		
Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn:	150% Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn		
Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:	10%/ năm trên số dư lãi chậm trả		
Kỳ hạn trả nợ:	Trả nợ gốc:	Cuối kỳ	Trả nợ lãi: Ngày 26 hàng tháng
Chứng từ kèm theo:	Lệnh chuyên tiền		Ngày 11/07/2025
Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay:	Hợp đồng số 2025-0705; 2025-0706; ngày 15/05/2025; Invoice No. 203760 và 203762 ngày 30/05/2025.		Ngày



Ngày

Số tiền chúng tôi nhận nợ theo các nội dung nêu trên được Ngân hàng hạch toán ghi nợ vào tài khoản vay của chúng tôi số: tại Ngân hàng.

Chúng tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích theo thỏa thuận với Ngân hàng; trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phù hợp với quy định tại Hợp đồng cho vay.

Chúng tôi cam đoan và cam kết các thông tin, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trong Giấy nhận nợ này mà chúng tôi cung cấp cho Quý Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của chúng tôi. Đối với khoản giải ngân bằng phương tiện tiền mặt, chúng tôi cam kết sẽ bổ sung tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Quý Ngân hàng. Việc nhận nợ theo Giấy nhận nợ này không vi phạm quy định nội bộ của chúng tôi cũng như quy định của Hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết (i) Nội dung của (các) bản in hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử và/hoặc hóa đơn điện tử chuyển đổi thành hóa đơn giấy khớp đúng, toàn vẹn nội dung của (các) hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử; (ii) sử dụng (các) hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử này làm chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay tại Ngân hàng, đảm bảo không trùng lặp; (iii) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường tổn thất, thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng trong trường hợp thông tin hóa đơn điện tử/TKHQ điện tử không trung thực, chính xác và đầy đủ và (iv) Trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp Ngân hàng sau tra cứu phát hiện hóa đơn/TKHQ không hợp lệ.

Giấy nhận nợ này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cho vay. Giấy nhận nợ này được lập thành 03 bản gốc, Ngân hàng giữ 02 bản gốc, Bên vay giữ 01 bản gốc, các bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau.

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG
TRƯỞNG BP QL N
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu nếu có)



ĐẠNG XUÂN NGỌC



THỎA THUẬN GIAO DỊCH
MUA, BÁN NGOẠI TỆ GIAO NGAY (Hợp đồng)

Số:

Hôm nay ngày **11 tháng 07 năm 2025** (“Ngày giao dịch/Ngày thanh toán”) tại trụ sở của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) – Chi nhánh Đông Đồng Nai, các bên trong Hợp đồng này thực hiện giao dịch mua, bán ngoại tệ (“Giao dịch”) cụ thể như sau:

Điều 1. Thông tin Giao dịch

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI (“VCB” hoặc “Bên Bán”)	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100112437-145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh/Thành phố Đồng Nai cấp ngày 07/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/01/2023 Địa chỉ trụ sở: 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.	Người đại diện: Chức vụ:
CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM (“Khách hàng” hoặc “Bên Mua”)	Giấy đăng ký kinh doanh số Mã số thuế: 0309391503 Địa chỉ trụ sở: 12/14/18 Đường 49, khu phố 7, phường Hiệp Bình, Tp. HCM	Người đại diện: Đặng Xuân Ngọc Chức vụ: Giám đốc
Mục đích sử dụng ngoại tệ	Thanh toán 80% Contract No. 2025-0705 và 2025-0706 ngày 15/05/2025; Invoice No. 203760 và 203762 ngày 30/05/2025;	
Cặp đồng tiền giao dịch	VND-USD	
Số lượng ngoại tệ	75,660.00 USD Bằng chữ: Bảy mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đô la mỹ.	<input type="checkbox"/> Tiền mặt <input checked="" type="checkbox"/> Chuyển khoản ghi có Vào tài khoản số: 90011400376820 Số tiền: 75,660.00 USD Tên tài khoản: Wim Food A/S Tại ngân hàng: Spar Nord Bank A/S
Tỷ giá	26.200 VND/USD	
Số tiền thanh toán	1.982.292.000 VND	<input type="checkbox"/> Tiền mặt



Số: 14

TP. HCM, ngày 11 tháng 07 năm 2025

V/v Đề nghị giải ngân vốn vay

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Thực hiện quy định tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số **20250026/CVHM/KHBB** ngày **29/04/2025** giữa Công ty TNHH MTV TM & DV Ngọc Thơm và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai và các phụ lục sửa đổi bổ sung nếu có (sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho vay), Công ty TNHH MTV TM & DV Ngọc Thơm đề nghị Quý Ngân hàng tiến hành giải ngân vốn vay như sau:

1. Tổng số tiền đề nghị giải ngân vốn vay: 1.982.292.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn đồng)

2. Ngày giải ngân vốn vay: 11/07/2025

3. Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay:

Chuyển khoản: Chuyển tiền giải ngân vốn vay vào tài khoản sau:

Đơn vị thụ hưởng	Mục đích sử dụng số tiền vay được giải ngân	Số tiền giải ngân (VND)
Tên đơn vị: Wim Food A/S Tài khoản: 90011400376820 Ngân hàng: Spar Nord Bank A/S IBAN: DK2790011400376820 SWIFT: SPNODK22	Thanh toán tiền mua hàng hóa	1.982.292.000
Tổng số tiền đề nghị giải ngân		1.982.292.000

4. Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay: Hợp đồng số 2025-0705 và 2025-0706 ngày 15/05/2025; Invoice No. 203760 và 203762 ngày 30/05/2025;

Trường hợp giải ngân thanh toán trước cho nhà cung cấp, chúng tôi cam đoan và cam kết:

- Chưa thanh toán số tiền trên tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào;
- Xuất trình bổ sung chứng từ liên quan (hóa đơn, hợp đồng, ...) ngay sau khi hoàn tất giao dịch nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày giải ngân.

Chúng tôi cam đoan và cam kết các thông tin, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trong văn bản đề nghị giải ngân vốn vay lần này mà chúng tôi cung cấp cho Quý Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của chúng tôi. Việc đề nghị giải ngân vốn vay theo văn bản này không vi phạm quy định nội bộ của chúng tôi cũng như quy định của Hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP






Dặng Xuân Ngọc

YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN KIỂM GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA NGOẠI TỆ GIAO NGAY APPLICATION FOR REMITTANCE AND SPOT FX APPLICATION FORM		Số chuyển tiền (REF no):
Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) To: J.S.C. Bank for Foreign Trade of Vietnam (VCB)		Ngày giao dịch (Transaction Date) 11/07/2025
Phương thức chuyển tiền (Remittance Method): <input checked="" type="checkbox"/> SWIFT <input type="checkbox"/> Séc (Bank draft)		
QUÝ KH LƯU Ý: 1. Điền vào các mục dưới đây bằng chữ in hoa hoặc đánh dấu (x) vào chỗ thích hợp. Các mục có dấu (*) cần được điền đầy đủ (Please complete in Block Letters and tick where applicable. Fields with (*) must be completed). 2. Đọc kỹ các điều kiện chuyển tiền của VCB (Phụ lục đi kèm). (Please refer carefully to the conditions enclosed) 3. Khi cần liên hệ với VCB về giao dịch này xin sử dụng số chuyển tiền (Ref no) in ở góc trên bên phải của yêu cầu chuyển tiền. (Please refer the Reference number printed in the top of the right corner of this application form in case of contact.)		
1	Khách hàng chuyển tiền (Customer - Remitter) (*)	50
(i)	Khách hàng cá nhân (Individual)	
Tên (Name):		
CMND/thẻ CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/ Hộ chiếu số (ID/PP No.)/Thị thực nhập cảnh số :		Ngày cấp (Date of issue):
Nơi cấp (Place of issue):		
Địa chỉ (Add):		
Điện thoại (Tel):		
(ii)	Khách hàng tổ chức (Organization)	
Tên (Name): CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THOM		
ĐKDN/ĐKKD/GCN đầu tư/Giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương số 0309391503 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2021 Business Registration/Investment Licence/any other documents of equivalent legal value No..... issued by..... dated.....		
Địa chỉ đăng ký trụ sở (Registered add.): 12/14/18 Đường 49, khu phố 7, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh		
Người đại diện (Legal representative Đặng Xuân Ngọc		Chức vụ (position): Giám đốc
Điện thoại (Tel): 028 6290 6631		Fax:
Với mọi trách nhiệm thuộc về phần mình, Tôi/Chúng tôi đề nghị VCB thực hiện giao dịch với chi tiết dưới đây: With our responsibilities, we would like to request VCB make a transaction as below:		
2	Số tiền yêu cầu chuyển đi (Instructed amount) (*)	
(i)	Số tiền yêu cầu chuyển đi bằng số (Amt in figures) (*); 75,660.00 USD	32
Bằng chữ (Amt In words): Bảy mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đô la mỹ.		
(ii)	Nguồn tiền thanh toán (Source of payment) (*)	Số tiền (Amount)
<input type="checkbox"/> Từ TK ngoại tệ số (Debit foreign currency acct number):
<input type="checkbox"/> Từ tiền mặt (Cash).....	
<input type="checkbox"/> Từ nguồn khác (others).....	
<input checked="" type="checkbox"/> Đề nghị VCB bán ngoại tệ (VCB sells foreign currency)		
Cặp đồng tiền giao dịch (Pair of currencies used in the transaction): VND-USD		



Ngày thanh toán (Settlement date): 11/07/2025	
Số lượng ngoại tệ (Amount in Foreign Currency): 75,660.00 USD	
Tỷ giá (Rate): 26.200 VND/USD	
Số tiền thanh toán (Amt in VND): 1.982.292.000 VND	
<input checked="" type="checkbox"/> Từ TK số (Debit acct number):..... Số tiền (Amount): 1.982.292.000 VND	
<input type="checkbox"/> Từ tiền mặt (Cash):..... Số tiền (Amount):.....	
3	Ngân hàng trung gian (Intermediary Bank): 56
Tên (Name): Mã NH (Bank code):	
Địa chỉ (Add):	
4	Ngân hàng người hưởng (Beneficiary bank) (*) 57
Tên (Name): Spar Nord Bank A/S Mã NH (Bank code): SPNODK22	
Địa chỉ (Add): Skelagervej 15, 9000 Aalborg, Denmark	
5	Người hưởng (Beneficiary) (*) 59
Tên (Name): Wim Food A/S Số TK hoặc số IBAN (Account No or IBAN no): DK2790011400376820	
Địa chỉ (Add): Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark Điện thoại (Phone No.): +45 39 39 05 66	
6	Nội dung thanh toán (Details of payment) (*): Thanh toán 80% hợp đồng số 2025-0705 và 2025-0706 ngày 15/05/2025; Invoice No. 203760 và 203762 ngày 30/05/2025; 70
7	Phí (Charges) (*) 71
Loại phí (Charge type) Nguồn thanh toán phí (Source of paying charges)	
<input checked="" type="checkbox"/> OUR Phí do người chuyển tiền chịu Charges to be born by remitter	<input type="checkbox"/> Phí trích từ TK số (Debit our account number): 1027349624
<input type="checkbox"/> BEN Phí do người hưởng chịu All charges to be borne by beneficiary	<input type="checkbox"/> Phí nộp bằng tiền mặt (Cash):
<input type="checkbox"/> SHA Phí chia sẻ cho hai bên Charges to be shared	
<input type="checkbox"/> NODEDUCT Phí chỉ áp dụng cho USD Charge only applicable for USD	
8	Thông tin khác (Other details)
9	Cam kết bổ sung giấy tờ, chứng từ (Commit to provide documents)
(i) Loại giấy tờ, chứng từ bổ sung (Type of documents):	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng mua hàng/ Invoice	<input type="checkbox"/> Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng tái xuất hàng hóa/ Invoice
<input type="checkbox"/> Vận đơn hoặc chứng từ vận tải khác/ Bill of lading or other transport documents	<input checked="" type="checkbox"/> Tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa/ Import Customs Declaration Form
<input type="checkbox"/> Tờ khai hải quan tái xuất hàng hóa hoặc Tờ khai hải quan mới thay thế tờ khai hải quan tạm nhập/ Re-export Customs Declaration Form or Replacement for the temporary-import customs	<input type="checkbox"/> Báo có tiền hàng theo hợp đồng tái xuất hàng hóa hoặc hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyên khẩu/ Credit advice from the sale of the re-exported goods or the border-gate transferred goods

309
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
Độc
Lập
Tự
Do

	<input type="checkbox"/> Hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/ Sales contract for the border - gate tranfered goods <input type="checkbox"/> Tờ khai hải quan quá cảnh hoặc giấy tờ tương đương/ Declaration for Goods in Transit or relevant documents <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / Enterprise registration certificate <input type="checkbox"/> Chứng từ khác/ Other documents:.....	<input type="checkbox"/> Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/ Invoice <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate <input type="checkbox"/> Chứng minh hoàn thành nghĩa vụ thuế/ Documents to prove our fulfilment of tax obligations		
(ii)	Ngày bổ sung chậm nhất (Deadline): 31/07/2025			
10	Cam kết của người chuyển tiền (Remitter's undertaking)			
	<p>Tôi/Chúng tôi đọc, hiểu và cam kết thực hiện các nội dung tại “Các điều kiện chuyển tiền đi nước ngoài”, đồng ý rằng khi đại diện hợp pháp của VCB ký vào Phần dành cho VCB dưới đây thì nội dung “Các điều kiện chuyển tiền đi nước ngoài” này có giá trị ràng buộc Tôi/Chúng tôi.</p> <p><i>I/ We read, understand and commit to the above mentioned Conditions for Overseaa Remittance, and agree that when VCB's legitimate representative signs in the Section for VCB below, the Conditions for Overseas Remittance are binding on me/us</i></p>			
	<p>Kế toán trưởng (Chief Accountant) Ký, ghi rõ họ tên (Signature, name)</p>  <p>Hoàng Thị Hoài Nhi</p>	<p>Khách hàng chuyển tiền Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (Remitter/Account holder signature, name & stamp)</p>   <p>Đặng Xuân Ngọc</p>		
11	Phần dành cho VCB (For VCB's use only)			
	TTV	Thủ quỹ	Người duyệt 1	Người duyệt 2

197
3 T
TH
MA
OC
C-T

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI

1. Khách hàng (KH) hiểu rằng:

- a. Ngày giao dịch: Là ngày VCB tiếp nhận 'Yêu cầu chuyển tiền kèm giấy đề nghị mua ngoại tệ giao ngay' (YCCT) từ KH. VCB thực hiện chuyển tiền cùng ngày đối với các YCCT hợp lệ được tiếp nhận trước 15h00'.
- b. Ngày thanh toán: Là ngày VCB và KH thực hiện chuyển giao số lượng đồng tiền mua, bán theo YCCT hợp lệ đã xác lập.
- c. Ngày giá trị: Là ngày được ghi trên YCCT, VCB chỉ thực hiện chuyển tiền theo ngày giá trị trên YCCT khi VCB nhận được YCCT hợp lệ trước giới hạn giờ giao dịch của đồng tiền trên lệnh ít nhất hai (02) giờ đồng hồ. Trường hợp Ngày giá trị rơi vào ngày nghỉ Quốc gia/Thị trường của đồng tiền giao dịch, VCB toàn quyền chuyển Ngày giá trị tới ngày làm việc kế tiếp.
- d. Tỷ giá áp dụng trong YCCT là tỷ giá của VCB được công bố tại Ngày giao dịch.
- e. Phí chuyển tiền áp dụng theo biểu phí hiện hành của VCB và không được hoàn lại trừ khi có thỏa thuận khác.
- f. VCB sẽ thanh toán lại cho KH số tiền thực tế mà VCB nhận lại được từ ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giao dịch chuyển tiền không thực hiện được hoặc hủy theo yêu cầu của KH.
- g. VCB có toàn quyền sử dụng các hệ thống chuyển tiền, lựa chọn Ngân hàng đại lý (NHĐL) và phương thức thanh toán phù hợp theo quy định của pháp luật để thực hiện chuyển tiền tới người hưởng mà không cần thông báo lại cho Khách hàng.
- h. VCB sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát, tranh chấp, khiếu nại xảy ra do KH kê khai, cung cấp không đầy đủ, không rõ ràng, không chính xác (các) thông tin YCCT để VCB thực hiện giao dịch theo yêu cầu của KH; do Ngân hàng nước ngoài thực hiện sai chỉ thị của KH; hoặc do các yếu tố gian lận, lừa đảo, hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, hoặc những thiệt hại không trực tiếp hoặc mang tính chất hậu quả.
- i. VCB không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát, thiệt hại nào xảy ra cho KH trong trường hợp Ngân hàng nước ngoài ghi có vào số tài khoản của người hưởng trên lệnh chuyển tiền nhưng tên của chủ tài khoản được ghi có tại Ngân hàng nước ngoài không khớp đúng với tên người hưởng trên YCCT.
- j. VCB được phép cung cấp thông tin liên quan đến người chuyển tiền và giao dịch chuyển tiền bao gồm nhưng không giới hạn: tên; thông tin trên giấy tờ tùy thân, Đăng ký kinh doanh; địa chỉ; Mã số thuế; ... theo yêu cầu của (i) các Ngân hàng nước ngoài để làm rõ thông tin giao dịch chuyển tiền theo quy định pháp luật (ii) các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- k. VCB có quyền từ chối thực hiện giao dịch hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ ngân hàng cho KH trong trường hợp VCB nhận thấy giao dịch có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của VCB.

2. Khách hàng cam kết:

- a. Xuất trình đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính rõ ràng, chính xác, trung thực của các thông tin, các chứng từ có liên quan đến việc chuyển tiền theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của nước CHXHCN Việt Nam hiện hành. Trường hợp cần bổ sung chứng từ trước/sau khi VCB thực hiện lệnh chuyển tiền, KH cam kết xuất trình bổ sung đầy đủ các giấy tờ, chứng từ còn thiếu theo yêu cầu và quy định của VCB. Trong trường hợp không bổ sung chứng từ đúng hạn, KH phải gửi văn bản giải trình cho VCB và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật do việc chậm trễ hoặc không bổ sung đầy đủ chứng từ.
- b. Nguồn tiền thực hiện mua ngoại tệ, nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài là nguồn tiền có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật. KH cam kết và chịu mọi trách nhiệm sử dụng ngoại tệ đúng mục đích, tuân thủ mọi quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối của nước CHXHCN Việt Nam.
- c. Giao dịch chuyển tiền này chỉ được thực hiện duy nhất tại VCB. Không sử dụng cùng một bộ hồ sơ chứng từ để mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài vượt quá số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan và hoặc vượt quá các mức ngoại tệ được phép mua, chuyển, mang ra nước ngoài theo quy định của pháp luật tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép.
- d. Giao dịch chuyển tiền này không liên quan đến gian lận thương mại, hoạt động rửa tiền; tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Giao dịch chuyển tiền này không liên quan đến quốc gia, tổ chức, cá nhân thuộc danh sách cấm vận quốc tế hoặc khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- e. Cung cấp cho VCB đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực các thông tin trên YCCT và hồ sơ giao dịch liên quan. Chịu mọi rủi ro, chi phí, tổn thất phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không chính xác hoặc không nhất quán.
- f. Cung cấp/bổ sung thông tin, hồ sơ liên quan đến giao dịch chuyển tiền này theo yêu cầu của ngân hàng nước ngoài kể cả sau khi giao dịch đã được thực hiện.
- g. Trường hợp mục đích chuyển tiền để mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, KH phải tuân thủ quy định về mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.
- h. Trường hợp mục đích chuyển tiền để thanh toán hàng hóa tạm nhập, tái xuất, KH cam kết: Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng tái xuất hàng hóa thông qua tài khoản của khách hàng mở tại VCB và sẽ cung cấp cho VCB chứng từ nhận tiền liên quan đến giao dịch này; Thời hạn bổ sung giấy tờ, chứng từ còn thiếu (nếu có) không quá hai (02) tháng kể từ ngày tái xuất thực tế nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày thanh toán hàng tạm nhập.
- i. Trường hợp mục đích chuyển tiền để kinh doanh chuyên khẩu hàng hóa, KH cam kết nhận tiền thanh toán theo hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyên khẩu về tài khoản của KH tại VCB và sẽ cung cấp cho VCB chứng từ nhận tiền liên quan đến giao dịch này.
- j. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài: Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ.
- k. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh: Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ; KH cam kết chỉ mở một tài khoản VNĐ tại một (01) ngân hàng được phép để tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện.
- l. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án do tổ chức trong nước và/hoặc tổ chức ở nước ngoài thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục (tài trợ học bổng), y tế: Nguồn tài trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ; Số tiền chuyển đi tối đa không vượt quá 50.000 USD (Năm mươi nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương một lần chuyển tiền; Chỉ thực hiện việc chuyển tiền tài trợ cho chương trình/quỹ/dự án được nêu trong yêu cầu chuyển tiền duy nhất tại VCB.
- m. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để trả thưởng cho người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tham gia các chương trình, cuộc thi được tổ chức tại Việt Nam theo các quy định của pháp luật có liên quan: Nguồn tiền trả thưởng từ người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc người cư trú là tổ chức.

- n. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên ở nước ngoài tham gia thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học ở Việt Nam và nước ngoài hoặc hoàn trả tiền tài trợ thực hiện các dự án ở Việt Nam theo các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài: nguồn tiền chuyên đi là nguồn tài trợ tiếp nhận của người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.
- o. Thanh toán cho VCB đầy đủ các khoản phí dịch vụ của VCB và các khoản phí phát sinh do Ngân hàng nước ngoài thu (nếu có).
- p. Chịu mọi rủi ro có thể xảy ra nếu các thông tin cung cấp trên YCCT hoặc hồ sơ liên quan vi phạm chính sách cấm vận của bất kỳ quốc gia và/hoặc bất kỳ tổ chức và/hoặc ngân hàng nước ngoài liên quan.
- q. Xuất trình cho VCB yêu cầu bằng văn bản và các chứng từ có liên quan đến giao dịch chuyển tiền trong trường hợp KH muốn điều chỉnh hoặc hủy giao dịch này và chịu ràng buộc theo quyết định của VCB (nếu có) về việc điều chỉnh hoặc hủy giao dịch theo quy định của VCB.

CONDITIONS FOR OVERSEAS REMITTANCE

1. The Customer understands that:

- a. Transaction date: is the receipt date by VCB "Application for Remittance and spot FX application form" (hereafter called AFR) presented by the Customer. Eligible AFR will be processed by VCB on the same day if the presentation made before 3.00PM.
- b. Settlement date: is the date on which VCB and Customer transfer the volume of currency purchased or sold according to the AFR that has been made.
- c. Value Date: is the date to be indicated on the customer's AFR and is executed by VCB only when Eligible AFR received by VCB 2 working hours before cut-off time applied to the currency of AFR. In the event the value date on AFR fall on non-banking day of the currency, VCB is authorized to change the value date forward to the next working day.
- d. The exchange rate applied to AFR is the exchange rate quoted by VCB at the time of transaction.
- e. Remittance fee is applied as per VCB's current Terms and Conditions and shall not be refunded unless otherwise agreed.
- f. VCB will pay customer the actual amount which VCB receives from foreign bank in case the transaction cannot be performed or cancelled as per customer's request.
- g. VCB can choose appropriate remittance systems, correspondent banks and payment methods to remit the amount to the beneficiary's bank without notice to the customer.
- h. VCB will not be responsible for any risks, losses, dispute, complain incurred to the Customer directly or indirectly due to insufficient /unclear/incorrect informations of the transaction provided by customer, the foreign bank's incompliance with the customer's instructions, Fraud, scam, force majeure, incidents that are out of VCB's control or any indirect or consequential damages.
- i. VCB shall not be responsible for any risks and losses incurred to the Customer in the case the foreign bank credits beneficiary's account number exactly as per the account number provide in Customer's AFR while beneficiary's account name at the foreign bank is inconsistency with the account name under Customer's AFR.
- j. VCB can provide all information relating to remitter and the transaction, including but not limited to: name; information of identity papers, Business Registration; address; Tax code; ... at the request of (i) Foreign Banks for clarifying the transaction details (ii) Vietnamese authority.
- k. VCB has right to refuse to perform transactions or temporarily stop providing banking services in case VCB notices signs of violating regulations of law or VCB's internal regulations in the transaction of customers.

2. The Customer pledges that:

- a. Present in full and be responsible for the clarity, accuracy, integrity of relevant information, documents to the remittance in accordance with the Regulations on Foreign Exchange Control, anti-money laundering, counter-terrorism, prevention and combat of proliferation of weapons of mass destruction of the Socialist Republic of Vietnam. In case Customer is required to supplement documents before/after VCB processed this AFR, Customer commit to submit the supplementary documents according to VCB's regulations right. In case of failure to supplement documents on time, the Customer must take full legal responsibility for the delay or failure to fully supplement documents.
- b. The source of funds for buy, transfer the payment must be legally originated in accordance with the provisions of law. To use the foreign currency for the eligible purpose and comply with all current Regulations on Foreign Exchange Control of the Socialist Republic of Vietnam.
- c. This AFR solely is made at VCB. Do not use a set of documents to buy, transfer or carry foreign currency in excess of the amount stated in relevant documents and/or the limitation in accordance with relevant laws at one or various licensed banks.
- d. Transactions are not related to commercial fraud, money laundering; terrorist financing, financing for proliferation of weapons of mass destruction; countries, organizations and individuals on the list of international embargoes or terrorists, terrorist financing, financing for proliferation of weapons of mass destruction.
- e. Provide VCB with sufficient and correct information in the AFR and documents related to this transaction. Take all risks and expenses arising from incorrect or inconsistent information provided.
- f. Provide information and/or documents related to this transaction as the request of the foreign bank even after the transaction has been made.
- g. In case of the purpose of transaction concerning goods trading via overseas Commodity Exchanges, Customer must comply with regulations for goods purchase and sale through a overseas goods exchange via Vietnam-based goods exchanges connected with such overseas goods exchanges.
- h. In case of the purpose of transaction concerning temporary import, re-export, the Customer pledges that the sources of money received from the re-export contract must be credited at the customer's account opened at VCB and will provide VCB about relevant documents regarding this transaction. The deadline for supplementing documents (if any) will not exceed 02 months from the actual re-export date but shall not later than 06 months from day that temporary import will be paid.
- i. In case of the purpose of transaction concerning border-gate transfer of goods, Customer commit to receive payment according to the contract for selling border-gate transfer of goods to the customer's account at VCB and will provide VCB about relevant documents regarding this transaction.
- j. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to provide donations or aid according to commitments or agreements between the State, the Government or local administrations at all levels and foreign partners: such donations and aid must come from budget funds or funds of donors or aid providers.
- k. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to provide donations or aid for remedying consequences of disasters,

7-C
 NH
 VI
 DICI
 10N
 10 C

epidemics or wars, such donations and aid come from voluntarily contributed amounts of domestic organizations and individuals and/or funds of donors or aid providers; Customer commit that the institution opens only one VNĐ account at one licensed bank for receiving voluntary monetary contributions.

- l. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to finance programs, funds and projects established by domestic organizations and/or overseas organizations for the purpose of supporting and promoting development in the fields of culture, education (grant of scholarships) and healthcare, such donations come from funds of donors and the maximum transfer amount shall not exceed USD 50,000 (fifty thousand US dollars) or an equivalent amount in other foreign currencies per one transaction. The payment solely is made at VCB to transfer money for the finance programs, funds and projects stated in this AFR
- m. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to make payouts for non-residents being overseas organizations or individuals that participate in programs and contests organized in Vietnam under relevant regulations: The source for making payouts comes from non-residents that are overseas organizations or individuals or institutional residents.
- n. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to Distribute monetary donations to overseas members participating in the implementation of scientific research projects in Vietnam or abroad; Reimburse of monetary donations for the implementation of projects in Vietnam in accordance with commitments and agreements with foreign partners: The funding source is donations received from non-residents that are overseas organizations or individuals.
- o. Pay VCB all service fees imposed by VCB and other fees charged by foreign banks (if any).
- p. Take all possible risks if the requested information in the AFR or related documents violates policy of any nations, and/or any organizations and/or related foreign bank.
- q. Furnish VCB with written request and relevant documents to the transaction in case the customer wants to amend or cancel the transaction.





NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Ming City
Vietnam

Proforma Invoice 2025-0705

Document Date May 15, 2025
Customer No. 84918424325
VAT Registration No. 0309391503
Shipment Method

No.	Description	Quantity	Unit Price	Amount USD
3168	Frozen pork front hocks, Grade A, Size 1kg-1.4kg per peice	25,000 kg.	1.95	48,750.00
	Origin: Germany			
	Brand: Böseler			
	Plant: P-10078			
	Packing: 10 kgs. cartons			
	Production: August 2024 to December 2024			
	Shipment: June			
	CIF Cat Lai Port, HCM Vietnam			
	Note; HC for vietnam			

Total USD Excl. VAT	48,750.00
VAT Amount	0.00
Total USD Incl. VAT	48,750.00

Payment Terms 20 % Prepayment, 80% balance upon arrival

Bank Account: USD 90011400376820

Beneficiary's name: Wim Food A/S

Address: Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark

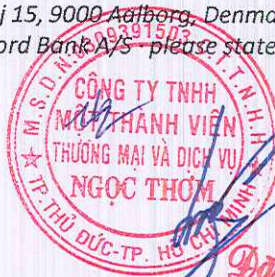
Beneficiary's bank: Spar Nord Bank A/S

Beneficiary's bank address: Skelagervej 15, 9000 Aalborg, Denmark

Payment made to bank account Spar Nord Bank A/S - please state customer number and invoice number.

IBAN: DK2790011400376820

SWIFT: SPNODK22



Dương Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark

Wim Food A/S · Vandmanden 22 · 9200 Aalborg SV · Denmark
VAT Registration No. DK41456973 · Phone No. +45 39 39 05 66 · E-mail: contact@wimfood.com



NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Ming City
Vietnam

Sales Contract 2025-0705

Document Date May 15, 2025
Customer No. 84918424325
VAT Registration No. 0309391503
Shipment Method

No.	Description	Quantity	Unit Price	Amount USD
3168	Frozen pork front hocks, Grade A, Size 1kg-1.4kg per peice	25,000 kg.	1.95	48,750.00
	Origin: Germnay			
	Brand: Böseler			
	Plant: P-10078			
	Packing: 10 kgs. cartons			
	Production: August 2024 to December 2024			
	Shipment: June			
	CIF Cat Lai Port, HCM Vietnam			
	Note; HC for vietnam			

Total USD Excl. VAT	48,750.00
VAT Amount	0.00
Total USD Incl. VAT	48,750.00

Payment Terms 20 % Prepayment, 80% balance upon arrival

Bank Account: USD 90011400376820

Beneficiary's name: Wim Food A/S

Address: Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark

Beneficiary's bank: Spar Nord Bank A/S

Beneficiary's bank address: Skelagervej 15, 9000 Aalborg, Denmark

Payment made to bank account Spar Nord Bank A/S · please state customer number and invoice number.

IBAN: DK2790011400376820

SWIFT: SPNODK22

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark

Wim Food A/S · Vandmanden 22 · 9200 Aalborg SV · Denmark
VAT Registration No. DK41456973 · Phone No. +45 39 39 05 66 · E-mail: contact@wimfood.com





NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Ming City
Vietnam.

Sales Contract 2025-0705

Document Date May 15, 2025
Sell-to Customer No. 84918424325

TERMS & CONDITIONS

1. DELAYED PICK UP OF THE CARGO

To avoid further demurrage and electrical charges at the port, WIM FOOD A/S reserve the right to resell the goods to any other consignee if the container is not picked up within 10 days from arrival.

2. CLAIMS

The Buyer is responsible for the inspection of the delivered goods immediately upon receipt for any defects or shortage. Claims after 14 days from arrival will not be accepted.



3. CANCELLATION OF ORDER

Cancellation after signed contract will not be accepted and any further cost will be hold by the consignee.

4. FORCE MAJEURE

WIM FOOD A/S shall not be held liable during circumstances i.e. war, riots, civil disorder, strikes, walk-outs, blockades, lock-outs or if anything happen with the goods under the transport.

In connection with said circumstances, WIM FOOD A/S, shall be entitled to cancel the order without this being considered a breach of contract.

Any dispute between the parties involved shall be settled in accordance with Danish law



WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark



ORIGIN ID: BLLA 4579297380
 DSV AIR & SEA A/S
 C/O WIM FOOD A/S
 CVR26366313
 NOKIAVEJ 30
 HORSSENS, 8700
 DK

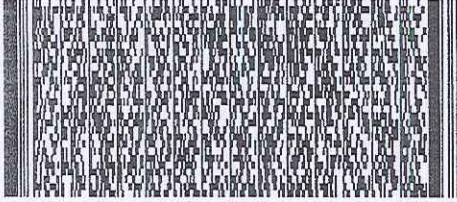
SHIP DATE: 08JUL25
 ACTWGT: 0.50 KG
 CAD: 260736595/FAPI2208
 DIMS: 1x1x1 CM
 BILL SENDER

TO **MS. NHI**
NGOC THOM COMPANY BRANCH
205/25/03 PHAM VAN HAI STREET
WARD 5, TAN BINH DISTRICT
HO CHI MINH CITY

(VN)

56GJ5199C7169F2

84935919632 REF: SHPR REF: 2025-0705+2025-0705
 INV: DEPT:
 PO: SHP ID: 49134850

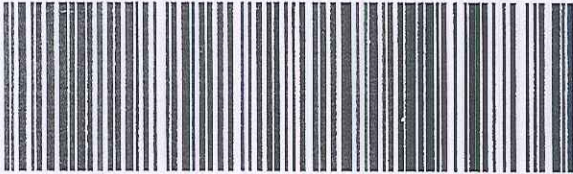


TRK# 8825 9054 9410
 0430

PM
 IP EOD
 ETD
 103

YN SGNA

-VN SGN



NGOC THOM COMPANY BRANCH

205/25/03 Pham Van Hai Street, Ward 5, Tan Binh District,

Ho Chi Minh City, Vietnam

Accountant - Ms. Nhi: +84 935 919 632



Aalborg SV 23.06.2025

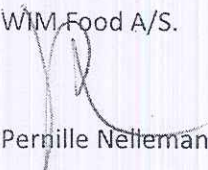
Order: Wim Food ref. 2025-0705 – Original documents / Frozen Salmon Heads 300+/400+

Enclosed please find the following documents:

- 1 original Invoice
- 1 original Health certificate
- 1 original Certificate of Origin
- 1 original Packing list

Best Regards,

WIM Food A/S.


Pernille Nellemann Johansen

Shipping Manager

Phone: +4539390566

Website: www.wimfood.com



NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.

12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Minh City
Vietnam

Invoice 203760

Posting Date May 30, 2025
Due Date August 28, 2025
Customer No. 84918424325
VAT Registration No. 0309391503

No.	Description	Quantity	Unit Price	Amount USD
3168	Frozen pork front hocks, weight above 1kg. per peice Origin: Germnay Brand: Böselser Plant: P-10078 Packing: 10 kgs. cartons Production: August 2024 to December 2024 Container no: MNBU3214843 CIF Cat Lai, Vietnam Order no: 2025-0705	24,480	kg. 1.95	47,736.00

The exporter of the products covered by this documents (customs authorization no. DKREX210134611) declares that, except, where otherwise clearly indicated these products are of European Union Preferential Origin.

Total USD Excl. VAT	47,736.00
VAT Amount	0.00
Total USD Incl. VAT	47,736.00

Payment Terms 20 % Prepayment Rest TT 7-10 days before arrival

Payment made to bank account Spar Nord Bank A/S · please state customer number and invoice number.

IBAN: DK2790011400376820 SWIFT: SPNODK22



Dặng Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark



Landkreis Cloppenburg
 Der Landrat
 39 - Amt für Veterinärwesen
 Lebensmittelüberwachung

97500150

Exportzertifikat für die Ausfuhr von frischem Schweinefleisch und Innereien vom
 in (ausschließlich Herz, Leber und Niere) aus der Bundesrepublik Deutschland in die
 Sozialistische Republik Vietnam

Veterinary certificate for the exportation of fresh pigmeat and pork offals (only including
 heart, liver and kidney) from the Federal Republic of Germany to the Socialist Republic of
 Vietnam

I.1. Versender ¹⁾ / Consignor ¹⁾ Name / Name Böseler Goldschmaus GmbH & Co. KG on behalf of Wim Food A/S Anschrift / Address Industriestraße 10-12, 49681 Garrel, Germany Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark		I.2. Bezugs-Nr. der Bescheinigung / Certificate reference No. DE-0108003-97500150	
		I.3. Zuständiges Bundesministerium / Competent Federal Ministry Bundesministerium für Ernährung und Landwirtschaft	
		I.4. Zuständige örtliche Behörde / Local Competent Authority Landkreis Cloppenburg - Veterinäramt	
I.5. Empfänger ¹⁾ / Consignee ¹⁾ Name /Name NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED Anschrift / Adress 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam		I.6.	
I.7. Herkunftsland des Schweinefleisches / ISO-Code Country of origin of the pigmeat		I.9. Bestimmungsland / ISO-Code Country of destination	
Deutschland Germany	DEU	Vietnam Vietnam	VNM
I.11. Herkunftsort ¹⁾ / Place of origin ¹⁾ Germany			
Schlachtstätte(n) / Slaughterhouse(s) Name(n) / Name(s) Böseler Goldschmaus GmbH & Co. KG Anschrift inkl. Landkreis(e) / Address(es) incl. rural districts Industriestraße 10-12, 49681 Garrel, Germany Zulassungsnummer(n) / Approval number(s) DE NI 10078 EG			
Zerlegungsbetrieb(e) / Cutting plant(s) Name(n) / Name(s) Böseler Goldschmaus GmbH & Co. KG Anschrift inkl. Landkreis(e) / Address(es) incl. rural districts Industriestraße 10-12, 49681 Garrel, Germany Zulassungsnummer(n) / Approval number(s) DE NI 10078 EG			

Teil I: Angaben zur Sendung / Part I: Details of consignment

Bezugs-Nr. der Bescheinigung / Certificate reference No.

DE-0108003-97500150

Kühl- und Gefrierbetrieb(e) / Cold store(s) Name(n) / Name(s) GTH GmbH & Co. KG Anschrift inkl. Landkreis(e) / Address(es) incl. rural districts Daimler-Benz-Straße 5, 49681 Garrel, Germany Zulassungsnummer(n) / Approval number(s) DE NI 10033 EG		
I.12. Bestimmungsort ¹⁾ / Place of destination ¹⁾ Name / Name <small>NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD, 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam, POD: Ho Chi Minh, Vietnam</small> Anschrift / Address NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD, 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam, POD: Ho Chi Minh, Vietnam		
I.13. Verladeort ¹⁾ / Place of loading ¹⁾ 49681 Garrel, Germany	I.14. Versanddatum / Date of departure 30.05.2025	
I.15. Transportmittel ²⁾ / Means of transport ²⁾ <input type="checkbox"/> Flugzeug / Aeroplane <input checked="" type="checkbox"/> Schiff / Ship <input type="checkbox"/> Eisenbahnwaggon / Railway <input type="checkbox"/> Straßenfahrzeug / Road vehicle <input type="checkbox"/> Anderes / Other: Kennzeichnung / Identification: Morten Maersk or subst.	I.16. <hr/> I.17. <hr/> I.18. Tierart/Erzeugnis / Species/Commodity Schwein / Pork	
	I.19. Erzeugnis-Code (HS-Code) / Commodity code (HS code) 02032911	
	I.20. Menge / Quantity 24.480,00 kg net	I.21. Anzahl der Packstücke / Number of packages 2.448 Cartons
	I.22. Temperatur der Erzeugnisse ²⁾ / Temperature of commodity ²⁾ <input type="checkbox"/> Umgebungstemperatur / Ambient <input type="checkbox"/> Gekühlt / Chilled <input checked="" type="checkbox"/> Gefroren / Frozen	
I.23. Art der Verpackung / Type of packaging Karton / Cartons		
I.24. Plomben-/Containernummer ³⁾ / Seal/Container Number ³⁾ D386020/ MNBU 321484-3		
I.25. Waren zertifiziert für / Commodities certified for <input checked="" type="checkbox"/> Menschlichen Verzehr / Human consumption		

31 GTH 110 151

Teil II: Angaben zum Gesundheitszustand / Part II: Health information

Ich, die/der unterzeichnende amtliche Tierärztin/Tierarzt bestätige hiermit, dass das oben angeführte Fleisch/die Innereien folgenden Bedingungen entspricht: /

I, the undersigned official veterinarian, certify that the meat/offals above meet the following requirements:

1. Gesundheitsstatus Deutschlands /
Health status of Germany

- 1.1. Die Bundesrepublik Deutschland ist entsprechend den Normen des Tiergesundheitskodex für Landtiere der Internationalen Tiergesundheitsorganisation (OIE) als von Maul- und Klauenseuche (MKS) freies Land ohne Impfung anerkannt. Die Impfung gegen Maul- und Klauenseuche (MKS) ist in Deutschland verboten. /

The Federal Republic of Germany is, according to the standards of the Terrestrial Animal Health Code of the World Organisation for Animal Health (OIE), recognised as a country free of foot-and-mouth disease (FMD) without vaccination. Vaccination against Foot-and-mouth disease (FMD) is prohibited in Germany.

- 1.2 Die Bundesrepublik Deutschland ist entsprechend den Normen des Tiergesundheitskodex für Landtiere der OIE frei von Klassischer Schweinepest.

According to the standards of the Terrestrial Animal Health Code of the OIE the Federal Republic of Germany is free from Classical Swine Fever.

2. Gesundheitsstatus des Herkunftsgebietes der Schlachtschweine /
Health status of the area of origin of the slaughter pigs

- 2.1. Der Landkreis aus dem die Schlachtschweine stammen, war während der letzten 6 Monate frei von Klassischer Schweinepest bei Hausschweinen. Die Impfung gegen die Klassische Schweinepest (KSP) bei Hausschweinen sowie die Einfuhr von Tieren, die gegen die Klassische Schweinepest geimpft wurden, sind verboten. /

The rural district from which the slaughter pigs originate have been free of classical swine fever (CSF) in domestic pigs during the last 6 months. The vaccination of domestic pigs against classical swine fever as well as the importation of animals vaccinated against classical swine fever are prohibited.

- 2.2. Die Schlachtschweine stammen aus landwirtschaftlichen Betrieben, die keiner amtlicher Verbringungsbeschränkung aufgrund einer anzeigepflichtigen Schweinekrankheit unterliegen, wie z. B. MKS, KSP und Afrikanische Schweinepest (ASP). /

The slaughter pigs come from holdings which have not been placed under official restrictions on movements due to a notifiable swine disease, such as FMD, CSF and African swine fever (ASF).

- 2.3. Fleisch und Innereien wurden von gesunden Schweinen gewonnen, die aus Betrieben und Verwaltungsgebieten im Hoheitsgebiet des Landes stammen, welche in den letzten 3 Jahren offiziell frei von ASP waren. Bei Anwendung der Stamping-Out-Methode stammen die Schweine aus einer Gebietskörperschaft oder einem Kompartiment, dass 3 Monate offiziell frei von ASP war.

Pork and pork offals were obtained from healthy animals originating from premises and administrative territories in the territory of the country which have been officially free from ASF in the last 3 years; if "stamping-out" is performed the animals originate from administrative areas or compartments which have been officially free from ASF for 3 months.

3. Anforderungen an die Betriebe /
Conditions for enterprises

- 3.1. Die Betriebe für Schlachtung, Zerlegung bzw. Kühlung sowie Gefrier- und Kühlung sind entsprechend der Verordnung (EG) Nr. 853/2004 amtlich zugelassen und erfüllen die entsprechenden Anforderungen zum Zeitpunkt der Gewinnung des Fleisches. Die Betriebe stehen unter der ständigen Überwachung durch den amtlichen Tierarzt. /

The enterprises in charge of slaughter, cutting or cooling as well as frozen and cold storage have been officially approved in accordance with Regulation (EC) No 853/2004 and meet the corresponding requirements at the time of the production of meat. The enterprises are subject to constant supervision by the official veterinarian.

- 3.2. Die Schlachtbetriebe, die Zerlegungsbetriebe bzw. die Kühlhäuser befinden sich in einem Landkreis, der frei von klassischer Schweinepest bei Hausschweinen ist. /

The slaughterhouses, the meat cutting plants and/or cold stores are located in a rural district which is free of classical swine fever in domestic pigs.

4. Anforderungen an das Transportmittel /
Conditions for the means of transport

- 4.1. Das Transportmittel stellte zum Zeitpunkt des Verladens kein hygienisches Risiko für das Fleisch / die Innereien dar. /

At the time of loading the means of transport did not represent a hygienic risk for the meat/offals.

5. Anforderungen an die Schlachtschweine /
Conditions for slaughter pigs

- 5.1. Die Schlachtschweine wurden /

The slaughter pigs were

- a) in Deutschland geboren und aufgezogen ⁴⁾
born and raised in Germany ⁴⁾

ODER /

OR

- b) in einem Mitgliedstaat der Europäischen Union geboren und in Deutschland aufgezogen. ⁴⁾ /

born in a member state of the European Union and raised in Germany.



Landkreis Cloppenburg

Der Landrat

99 - Amt für Veterinärwesen und

Lebensmittelüberwachung

Im Auftrage

6. Anforderungen an das Fleisch/ die Innereien /
Conditions for the meat/offals

- 6.1. Das Fleisch/die Innereien stammt/-en von Schweinen, die einer amtlichen Schlachtier- und Fleischuntersuchung entsprechend Artikel 18 der Verordnung (EU) Nr. 2017/625 unterzogen wurden und dabei klinisch gesund und amtlich frei von Anzeichen einer infektiösen und übertragbaren Tierkrankheit waren, für die diese Tierart empfänglich ist. Das Fleisch ist für den menschlichen Verzehr geeignet. Die Kennzeichnung des Fleisches/der Innereien und der Kartons, die Zerlegung und Umhüllung, die Verpackung, die Lagerung und die Verladung des Fleisches/der Innereien wurde gemäß den Vorschriften der Europäischen Union durchgeführt. Die Fleisch-/Innereiergewinnung stand unter der Überwachung der zuständigen Veterinärbehörde. /

In accordance with Article 18 of Regulation (EU) No 2017/625 the meat/the offals was/were obtained from pigs that were subjected to official ante-mortem and post-mortem inspections during which they were clinically healthy and were confirmed to be free from any signs of any infectious and transmissible animal disease to which the species is susceptible. The meat was found to be fit for human consumption. The labelling of the meat/offals and cardboard boxes, the cutting and wrapping, the packaging, storage and loading of the meat/offals were carried out in accordance with the legislation of the European Union. The meat/offals production was supervised by the responsible veterinary authority.

- 6.2. Das Fleisch wurde ohne ungerechtfertigte Verzögerung auf +7° C (Kerntemperatur) nach der Schlachtung heruntergekühlt. Entsprechend den Anforderungen der Verordnung (EG) Nr. 853/2004 wurde das Fleisch beim Zerlegen mittels einer Raumtemperatur von höchstens +12° C oder eines alternativen Systems mit gleicher Wirkung auf einer Temperatur von nicht mehr als +7° C gehalten. /

After slaughter, the meat was cooled down to +7° degrees centigrade (core temperature) without undue delay. In accordance with the requirements of Regulation (EC) No 853/2004 during cutting the temperature of the meat is maintained at not more than +7° degrees centigrade by means of an ambient temperature of +12° degrees centigrade or an alternative system having an equivalent effect.

Bezugs-Nr. der Bescheinigung / Certificate reference No.

DE-0108003-97500150

6.3. Entsprechend den Anforderungen der Verordnung (EG) Nr. 853/2004 wurden die Innereien ohne ungerechtfertigte Verzögerung auf +3° C (Kerntemperatur) nach der Schlachtung heruntergekühlt. /

In accordance with the requirements of Regulation (EC) No 853/2004 the offals were cooled down to +3° degrees centigrade (core temperature) without undue delay after slaughter.

6.4. Das Fleisch wurde im Fall von Tierkörperhälften oder -vierteln⁴⁾ mit Folien und einer Stocknetze nach der Kühlung und vor oder nach der Einbringung in den Frosterraum⁴⁾ /

In the case of half or quarter carcasses⁴⁾ the meat was wrapped up with foil and a stocknet after cooling and before and after placing of the meat in the freezer compartment

6.5. Das Fleisch/die Innereien enthält/enthalten keine gesundheitsschädlichen Rückstände, Kontaminanten oder ähnliche Stoffe gemäß den Vorschriften der Europäischen Union. /

The meat/offals does/do not contain residues, contaminants or similar substances which could be harmful to human health according to the legislation of the European Union.

6.6. Nach dem Einfrieren betrug die Kerntemperatur des Fleisches/der Innereien weniger als -12° C. Dann wurde/wurden das Fleisch/die Innereien bei einer Kühlhaustemperatur von -18° C gehalten.⁵⁾ /

After freezing the core temperature of the meat/offals was less than -12° degrees centigrade. The meat/offals was/were then kept at a cold store temperature of -18° degrees centigrade.⁵⁾

Ausgefertigt in / Done at: Garrelam / on: 30.05.2025

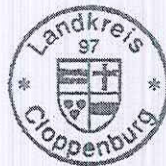
Amtliche/-r Tierärztin/Tierarzt / Official veterinarian

EDUARD UNRUH

AMTLICHER TIERARZT

Name (in Großbuchstaben) /
Name (in Capital)Qualifikation und Amtsbezeichnung /
Qualification and title30. MAI 2025

Datum / Date

Unterschrift⁶⁾ / Signature⁶⁾Siegel⁶⁾ / Stamp⁶⁾:

Landkreis Cloppenburg
Der Landrat
39 - Amt für Veterinärwesen und
Lebensmittelüberwachung
Im Auftrage

- 1) Sind Ergänzungen notwendig, so muss eine beigefügte Liste die nachstehenden Angaben enthalten und von dem bescheinigenden amtlichen Tierarzt mit Unterschrift und Amtssiegel versehen sowie der Veterinärbescheinigung untrennbar angefügt sein. /
If supplementary information is required, an enclosed list must include the following data and be signed and sealed by the certifying official veterinarian and must be inseparably attached to the veterinary certificate.
- 2) Zutreffendes bitte ankreuzen. /
Please tick as appropriate.
- 3) Soweit zum Zeitpunkt der Zertifizierung bekannt. /
So far as known at the time of certification.
- 4) Nichtzutreffendes streichen. / *Delete as appropriate.*
- 5) Im Falle von gekühltem Fleisch/Innereien streichen. / *Delete in the case of chilled meat/offals.*
- 6) Amtssiegel und Unterschrift müssen sich farblich von der Druckfarbe der Bescheinigung unterscheiden. /
The colour of the seal and the signature must be different from the printing colour of the certificate.



Date: 30.05.2025
Order number: 2025-0705

PACKING LIST

Customer:

NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward
Thu Duc city, Ho Chi Minh city, Vietnam

Container no. MNBU3214843

Item:	Carton	Net weight	Gross weight
Frozen Pork Front Hocks	2448	24.480,00 kgs	26.413,920 kgs
Total weight	2448	24.480,00 kgs	26.413,920 kgs



Đặng Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark
Vat: 41456973
Phone: + 45 39 39 05 66
www.wimfood.com

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark





NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Ming City
Vietnam

Proforma Invoice 2025-0706

Document Date May 15, 2025
Customer No. 84918424325
VAT Registration No. 0309391503
Shipment Method

No.	Description	Quantity	Unit Price	Amount USD
3168	Frozen pork front hocks, Grade A, Size 1kg-1.4kg per peice	25,000 kg.	1.95	48,750.00
	Origin: Germnay			
	Brand: Böseler			
	Plant: P-10078			
	Packing: 10 kgs. cartons			
	Production: January 2025 to May 2025			
	Shipment: June			
	CIF Cat Lai Port, HCM Vietnam			
	Note; HC for vietnam			

Total USD Excl. VAT	48,750.00
VAT Amount	0.00
Total USD Incl. VAT	48,750.00

Payment Terms 20 % Prepayment, 80% balance upon arrival

Bank Account: USD 90011400376820

Beneficiary's name: Wim Food A/S

Address: Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark

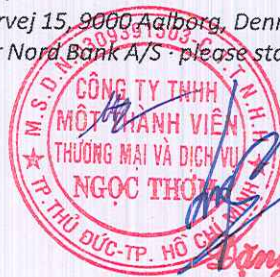
Beneficiary's bank: Spar Nord Bank A/S

Beneficiary's bank address: Skelagervej 15, 9000 Aalborg, Denmark

Payment made to bank account Spar Nord Bank A/S - please state customer number and invoice number.

IBAN: DK2790011400376820

SWIFT: SPNODK22



Dương Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark



NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Ming City
Vietnam

Sales Contract 2025-0706

Document Date May 15, 2025
Customer No. 84918424325
VAT Registration No. 0309391503
Shipment Method

No.	Description	Quantity	Unit Price	Amount USD
3168	Frozen pork front hocks, Grade A, Size 1kg-1.4kg per peice	25,000 kg.	1.95	48,750.00
	Origin: Germnay			
	Brand: Böseler			
	Plant: P-10078			
	Packing: 10 kgs. cartons			
	Production: January 2025 to May 2025			
	Shipment: June			
	CIF Cat Lai Port, HCM Vietnam			
	Note; HC for vietnam			

Total USD Excl. VAT	48,750.00
VAT Amount	0.00
Total USD Incl. VAT	48,750.00

Payment Terms 20 % Prepayment, 80% balance upon arrival

Bank Account: USD 90011400376820

Beneficiary's name: Wim Food A/S

Address: Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark

Beneficiary's bank: Spar Nord Bank A/S

Beneficiary's bank address: Skelagervej 15, 9000 Aalborg, Denmark

Payment made to bank account Spar Nord Bank A/S · please state customer number and invoice number.

IBAN: DK2790011400376820

SWIFT: SPNODK22

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark

Wim Food A/S · Vandmanden 22 · 9200 Aalborg SV · Denmark
VAT Registration No. DK41456973 · Phone No. +45 39 39 05 66 · E-mail: contact@wimfood.com





NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Ming City
Vietnam

Sales Contract 2025-0706

Document Date May 15, 2025
Sell-to Customer No. 84918424325

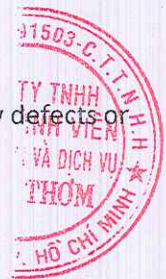
TERMS & CONDITIONS

1. DELAYED PICK UP OF THE CARGO

To avoid further demurrage and electrical charges at the port, WIM FOOD A/S reserve the right to resell the goods to any other consignee if the container is not picked up within 10 days from arrival.

2. CLAIMS

The Buyer is responsible for the inspection of the delivered goods immediately upon receipt for any defects or shortage. Claims after 14 days from arrival will not be accepted.



3. CANCELLATION OF ORDER

Cancellation after signed contract will not be accepted and any further cost will be hold by the consignee.

4. FORCE MAJEURE

WIM FOOD A/S shall not be held liable during circumstances i.e. war, riots, civil disorder, strikes, walk-outs, blockades, lock-outs or if anything happen with the goods under the transport.

In connection with said circumstances, WIM FOOD A/S, shall be entitled to cancel the order without this being considered a breach of contract.

Any dispute between the parties involved shall be settled in accordance with Danish law



Dương Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark



ORIGIN ID: BLLA 4579297380
 DSV AIR & SEA A/S
 C/O WIM FOOD A/S
 CVR26366313
 NOKIAVEJ 30
 HORSSENS, 8700
 DK

SHIP DATE: 08JUL25
 ACTWGT: 0.50 KG
 CAD: 280736595/FAP12208
 DIMS: 1x1x1 CM
 BILL SENDER

TO **MS. NHI**
NGOC THOM COMPANY BRANCH
205/25/03 PHAM VAN HAI STREET
WARD 5, TAN BINH DISTRICT
HO CHI MINH CITY

84935919632 REF: SHPR REF: 2025-0705+2025-0705
 INV: PO: SHP ID: 49134850 DEPT:

(VN)

58GJ5199C7169F2



FedEx
Express

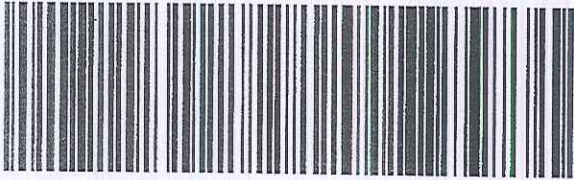


TRK# 8825 9054 9410
 0430

PM
 IP EOD
 ETD
 103

YN SGNA

-VN SGN





NGOC THOM COMPANY BRANCH

205/25/03 Pham Van Hai Street, Ward 5, Tan Binh District,

Ho Chi Minh City, Vietnam

Accountant - Ms. Nhi: +84 935 919 632

Aalborg SV 23.06.2025

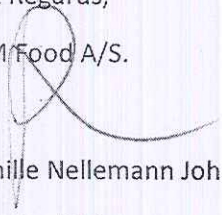
Order: Wim Food ref. 2025-0706 – Original documents / Frozen Salmon Heads 300+ /400+

Enclosed please find the following documents:

- 1 original Invoice
- 1 original Health certificate
- 1 original Certificate of Origin
- 1 original Packing list

Best Regards,

WIM Food A/S.


Pernille Nellemann Johansen

Shipping Manager

Phone: +4539390566

Website: www.wimfood.com

WIM FOOD



NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh Ward
Thu Duc City, Ho Chi Minh City
Vietnam

invoice 203762

Posting Date May 30, 2025
Due Date August 28, 2025
Customer No. 84918424325
VAT Registration No. 0309391503

No.	Description	Quantity	Unit Price	Amount USD
3168	Frozen pork front hocks, weight above 1kg. per peice Origin: Germnay Brand: Böseler Plant: P-10078 Packing: 10 kgs. cartons Production: January 2025 to May 2025 Container no: SUDU8082750 CIF Cat Lai, Vietnam Order no: 2025-0706	24,320 kg.	1.95	47,424.00

The exporter of the products covered by this documents (customs authorization no. DKREX210134611) declares that, except, where otherwise clearly indicated these products are of European Union Preferential Origin.

Total USD Excl. VAT	47,424.00
VAT Amount	0.00
Total USD Incl. VAT	47,424.00

Payment Terms 20 % Prepayment Rest TT 7-10 days before arrival
Payment made to bank account Spar Nord Bank A/S · please state customer number and invoice number.
IBAN: DK2790011400376820 SWIFT: SPNODK22



Dương Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark



erlinärzertifikat für die Ausfuhr von frischem Schweinefleisch und Innereien vom
 in (ausschließlich Herz, Leber und Niere) aus der Bundesrepublik Deutschland in die
 Sozialistische Republik Vietnam

Veterinary certificate for the exportation of fresh pigmeat and pork offals (only including
 heart, liver and kidney) from the Federal Republic of Germany to the Socialist Republic of
 Vietnam

I.1. Versender ¹⁾ / Consignor ¹⁾ Name / Name Böselers Goldschmaus GmbH & Co. KG on behalf of Wim Food A/S Anschrift / Address Industriestraße 10-12, 49681 Garrel, Germany Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark		I.2. Bezugs-Nr. der Bescheinigung / Certificate reference No. DE-0108003-97500151	
		I.3. Zuständiges Bundesministerium / Competent Federal Ministry Bundesministerium für Ernährung und Landwirtschaft	
		I.4. Zuständige örtliche Behörde / Local Competent Authority Landkreis Cloppenburg - Veterinäramt	
		I.5. Empfänger ¹⁾ / Consignee ¹⁾ Name / Name NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED Anschrift / Address 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam	
I.7. Herkunftsland des Schweinefleisches / ISO-Code Country of origin of the pigmeat	I.8.	I.9. Bestimmungsland / ISO-Code Country of destination	I.10.
Deutschland Germany	DEU	Vietnam Vietnam	VNM
I.11. Herkunftsort ¹⁾ / Place of origin ¹⁾ Germany			
Schlachtstätte(n) / Slaughterhouse(s) Name(n) / Name(s) Böselers Goldschmaus GmbH & Co. KG Anschrift inkl. Landkreis(e) / Address(es) incl. rural districts Industriestraße 10-12, 49681 Garrel, Germany Zulassungsnummer(n) / Approval number(s) DE NI 10078 EG			
Zerlegungsbetrieb(e) / Cutting plant(s) Name(n) / Name(s) Böselers Goldschmaus GmbH & Co. KG Anschrift inkl. Landkreis(e) / Address(es) incl. rural districts Industriestraße 10-12, 49681 Garrel, Germany Zulassungsnummer(n) / Approval number(s) DE NI 10078 EG			

Teil I: Angaben zur Sendung / Part I: Details of consignment

11 0 1 0 1 5 1

Bezugs-Nr. der Bescheinigung / Certificate reference No.

DE-0108003-97500151

Kühl- und Gefrierbetrieb(e) / Cold store(s) Name(n) / Name(s) GTH GmbH & Co. KG Anschrift inkl. Landkreis(e) / Address(es) incl. rural districts Daimler-Benz-Straße 5, 49681 Garrel, Germany Zulassungsnummer(n) / Approval number(s) DE NI 10033 EG		
I.12. Bestimmungsort ¹⁾ / Place of destination ¹⁾ Name / Name <small>NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD, 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam, POD: Ho Chi Minh, Vietnam</small> Anschrift / Address NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD, 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam, POD: Ho Chi Minh, Vietnam		
I.13. Verladeort ¹⁾ / Place of loading ¹⁾ 49681 Garrel, Germany	I.14. Versanddatum / Date of departure 30.05.2025	
I.15. Transportmittel ²⁾ / Means of transport ²⁾ <input type="checkbox"/> Flugzeug / Aeroplane <input checked="" type="checkbox"/> Schiff / Ship <input type="checkbox"/> Eisenbahnwaggon / Railway <input type="checkbox"/> Straßenfahrzeug / Road vehicle <input type="checkbox"/> Anderes / Other: Kennzeichnung / Identification: Morten Maersk or subst.	I.16. <hr/> I.17. <hr/> I.18. Tierart/Erzeugnis / Species/Commodity Schwein / Pork	
	I.19. Erzeugnis-Code (HS-Code) / Commodity code (HS code) 02032911	
	I.20. Menge / Quantity 24.320,00 kg net	I.21. Anzahl der Packstücke / Number of packages 2.432 Cartons
	I.22. Temperatur der Erzeugnisse ²⁾ / Temperature of commodity ²⁾ <input type="checkbox"/> Umgebungstemperatur / Ambient <input type="checkbox"/> Gekühlt / Chilled <input checked="" type="checkbox"/> Gefroren / Frozen	
I.23. Art der Verpackung / Type of packaging Karton / Cartons		
I.24. Plomben-/Containernummer ³⁾ / Seal/Container Number ³⁾ D386121/ SUDU 808275-0		
I.25. Waren zertifiziert für / Commodities certified for <input checked="" type="checkbox"/> Menschlichen Verzehr / Human consumption		

Teil II: Angaben zum Gesundheitszustand / Part II: Health information

Ich, die/der unterzeichnende amtliche Tierärztin/Tierarzt bestätige hiermit, dass das oben angeführte Fleisch/die Innereien folgenden Bedingungen entspricht: /

I, the undersigned official veterinarian, certify that the meat/offals above meet the following requirements:

1. Gesundheitsstatus Deutschlands /
Health status of Germany
 - 1.1. Die Bundesrepublik Deutschland ist entsprechend den Normen des Tiergesundheitskodex für Landtiere der Internationalen Tiergesundheitsorganisation (OIE) als von Maul- und Klauenseuche (MKS) freies Land ohne Impfung anerkannt. Die Impfung gegen Maul- und Klauenseuche (MKS) ist in Deutschland verboten. /
The Federal Republic of Germany is, according to the standards of the Terrestrial Animal Health Code of the World Organisation for Animal Health (OIE), recognised as a country free of foot-and-mouth disease (FMD) without vaccination. Vaccination against Foot-and-mouth disease (FMD) is prohibited in Germany.
 - 1.2. Die Bundesrepublik Deutschland ist entsprechend den Normen des Tiergesundheitskodex für Landtiere der OIE frei von Klassischer Schweinepest.
According to the standards of the Terrestrial Animal Health Code of the OIE the Federal Republic of Germany is free from Classical Swine Fever.
2. Gesundheitsstatus des Herkunftsgebietes der Schlachtschweine /
Health status of the area of origin of the slaughter pigs
 - 2.1. Der Landkreis aus dem die Schlachtschweine stammen, war während der letzten 6 Monate frei von Klassischer Schweinepest bei Hausschweinen. Die Impfung gegen die Klassische Schweinepest (KSP) bei Hausschweinen sowie die Einfuhr von Tieren, die gegen die Klassische Schweinepest geimpft wurden, sind verboten. /
The rural district from which the slaughter pigs originate have been free of classical swine fever (CSF) in domestic pigs during the last 6 months. The vaccination of domestic pigs against classical swine fever as well as the importation of animals vaccinated against classical swine fever are prohibited.
 - 2.2. Die Schlachtschweine stammen aus landwirtschaftlichen Betrieben, die keiner amtlicher Verbringungsbeschränkung aufgrund einer anzeigepflichtigen Schweinekrankheit unterliegen, wie z. B. MKS, KSP und Afrikanische Schweinepest (ASP). /
The slaughter pigs come from holdings which have not been placed under official restrictions on movements due to a notifiable swine disease, such as FMD, CSF and African swine fever (ASF).
 - 2.3. Fleisch und Innereien wurden von gesunden Schweinen gewonnen, die aus Betrieben und Verwaltungsgebieten im Hoheitsgebiet des Landes stammen, welche in den letzten 3 Jahren offiziell frei von ASP waren. Bei Anwendung der Stamping-Out-Methode stammen die Schweine aus einer Gebietskörperschaft oder einem Kompartiment, dass 3 Monate offiziell frei von ASP war.
Pork and pork offals were obtained from healthy animals originating from premises and administrative territories in the territory of the country which have been officially free from ASF in the last 3 years; if "stamping-out" is performed the animals originate from administrative areas or compartments which have been officially free from ASF for 3 months.
3. Anforderungen an die Betriebe /
Conditions for enterprises
 - 3.1. Die Betriebe für Schlachtung, Zerlegung bzw. Kühlung sowie Gefrier- und Kühlung sind entsprechend der Verordnung (EG) Nr. 853/2004 amtlich zugelassen und erfüllen die entsprechenden Anforderungen zum Zeitpunkt der Gewinnung des Fleisches. Die Betriebe stehen unter der ständigen Überwachung durch den amtlichen Tierarzt. /

The enterprises in charge of slaughter, cutting or cooling as well as frozen and cold storage have been officially approved in accordance with Regulation (EC) No 853/2004 and meet the corresponding requirements at the time of the production of meat. The enterprises are subject to constant supervision by the official veterinarian.

- 3.2. Die Schlachtbetriebe, die Zerlegungsbetriebe bzw. die Kühllhäuser befinden sich in einem Landkreis, der frei von Klassischer Schweinepest bei Hausschweinen ist. /

The slaughterhouses, the meat cutting plants and/or cold stores are located in a rural district which is free of classical swine fever in domestic pigs.

4. Anforderungen an das Transportmittel /
Conditions for the means of transport

- 4.1. Das Transportmittel stellte zum Zeitpunkt des Verladens kein hygienisches Risiko für das Fleisch / die Innereien dar. /

At the time of loading the means of transport did not represent a hygienic risk for the meat/offals.

5. Anforderungen an die Schlachtschweine /
Conditions for slaughter pigs

- 5.1. Die Schlachtschweine wurden /
The slaughter pigs were

- a) in Deutschland geboren und aufgezogen ⁴⁾
born and raised in Germany ⁴⁾

ODER /

OR

- b) in einem Mitgliedstaat der Europäischen Union geboren und in Deutschland aufgezogen. ⁴⁾ /

~~born in a member state of the European Union and raised in Germany ⁴⁾~~



Landkreis Cloppenburg

39 - Amt für Veterinärwesen und

Lebensmittelüberwachung ⁴⁾

Im Auftrage

6. Anforderungen an das Fleisch/ die Innereien /
Conditions for the meat/offals

- 6.1. Das Fleisch/die Innereien stammt/-en von Schweinen, die einer amtlichen Schlachtier- und Fleischuntersuchung entsprechend Artikel 18 der Verordnung (EU) Nr. 2017/625 unterzogen wurden und dabei klinisch gesund und amtlich frei von Anzeichen einer infektiösen und übertragbaren Tierkrankheit waren, für die diese Tierart empfänglich ist. Das Fleisch ist für den menschlichen Verzehr geeignet. Die Kennzeichnung des Fleisches/der Innereien und der Kartons, die Zerlegung und Umhüllung, die Verpackung, die Lagerung und die Verladung des Fleisches/der Innereien wurde gemäß den Vorschriften der Europäischen Union durchgeführt. Die Fleisch-/Innereiergewinnung stand unter der Überwachung der zuständigen Veterinärbehörde. /

In accordance with Article 18 of Regulation (EU) No 2017/625 the meat/the offals was/were obtained from pigs that were subjected to official ante-mortem and post-mortem inspections during which they were clinically healthy and were confirmed to be free from any signs of any infectious and transmissible animal disease to which the species is susceptible. The meat was found to be fit for human consumption. The labelling of the meat/offals and cardboard boxes, the cutting and wrapping, the packaging, storage and loading of the meat/offals were carried out in accordance with the legislation of the European Union. The meat/offals production was supervised by the responsible veterinary authority.

- 6.2. Das Fleisch wurde ohne ungerechtfertigte Verzögerung auf +7° C (Kerntemperatur) nach der Schlachtung heruntergekühlt. Entsprechend den Anforderungen der Verordnung (EG) Nr. 853/2004 wurde das Fleisch beim Zerlegen mittels einer Raumtemperatur von höchstens +12° C oder eines alternativen Systems mit gleicher Wirkung auf einer Temperatur von nicht mehr als +7° C gehalten. /

After slaughter, the meat was cooled down to +7° degrees centigrade (core temperature) without undue delay. In accordance with the requirements of Regulation (EC) No 853/2004 during cutting the temperature of the meat is maintained at not more than +7° degrees centigrade by means of an ambient temperature of +12° degrees centigrade or an alternative system having an equivalent effect.

Bezugs-Nr. der Bescheinigung / Certificate reference No.

DE-0108003-97500151

6.3. Entsprechend den Anforderungen der Verordnung (EG) Nr. 853/2004 wurden die Innereien ohne ungerechtfertigte Verzögerung auf +3° C (Kerntemperatur) nach der Schlachtung heruntergekühlt. /

In accordance with the requirements of Regulation (EC) No 853/2004 the offals were cooled down to + 3° degrees centigrade (core temperature) without undue delay after slaughter.

6.4. Das Fleisch wurde im Fall von Tierkörperhäften oder -vierteln⁴⁾ mit Folien und einer Stockinette nach der Kühlung und vor oder nach der Einbringung in den Frostert umhüllt. ⁴⁾ /

In the case of half or quarter carcasses the meat was wrapped up with foils and a stockinette after cooling and before and after packing of the meat in the freezer.

6.5. Das Fleisch/die Innereien enthält/enthalten keine gesundheitsschädlichen Rückstände, Kontaminanten oder ähnliche Stoffe gemäß den Vorschriften der Europäischen Union. /

The meat/offals does/do not contain residues, contaminants or similar substances which could be harmful to human health according to the legislation of the European Union.

6.6. Nach dem Einfrieren betrug die Kerntemperatur des Fleisches/der Innereien weniger als -12° C. Dann wurde/wurden das Fleisch/die Innereien bei einer Kühlhaustemperatur von -18° C gehalten.⁵⁾ /

*After freezing the core temperature of the meat/offals was less than -12° degrees centigrade. The meat/offals was/were then kept at a cold store temperature of -18° degrees centigrade.*⁵⁾

Ausgefertigt in / Done at: Garrelam / on: 30.05.2025

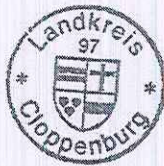
Amtliche/-r Tierärztin/Tierarzt / Official veterinarian

EDUARD UNRUH

AMTLICHER TIERARZT

Name (in Großbuchstaben) /
Name (in Capital)Qualifikation und Amtsbezeichnung /
Qualification and title30. MAI 2025

Datum / Date

Unterschrift⁶⁾ / Signature⁶⁾Siegel⁶⁾ / Stamp⁶⁾

Landkreis Cloppenburg
Der Landrat
39 - Amt für Veterinärwesen und
Lebensmittelüberwachung
Im Auftrage

- 1) Sind Ergänzungen notwendig, so muss eine beigelegte Liste die nachstehenden Angaben enthalten und von dem bescheinigenden amtlichen Tierarzt mit Unterschrift und Amtssiegel versehen sowie der Veterinärbescheinigung unteilbar angefügt sein. /
If supplementary information is required, an enclosed list must include the following data and be signed and sealed by the certifying official veterinarian and must be inseparably attached to the veterinary certificate.
- 2) Zutreffendes bitte ankreuzen. /
Please tick as appropriate.
- 3) Soweit zum Zeitpunkt der Zertifizierung bekannt. /
So far as known at the time of certification.
- 4) Nichtzutreffendes streichen. / *Delete as appropriate.*
- 5) Im Falle von gekühltem Fleisch/Innereien streichen. / *Delete in the case of chilled meat/offals.*
- 6) Amtssiegel und Unterschrift müssen sich farblich von der Druckfarbe der Bescheinigung unterscheiden. /
The colour of the seal and the signature must be different from the printing colour of the certificate.

1 Afsender - Consignor - Expéditeur - Remitente Wim Food A/S Vandmanden 22 9200 Aalborg SV Denmark		Nr. 072123		ORIGINAL
2 Modtager - Consignee - Destinataire - Destinatario NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD. 12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward Thu Duc city, Ho Chi Minh city, Vietnam		DE EUROPÆISKE FÆLLESSKABER EUROPEAN COMMUNITIES - COMMUNAUTÉS EUROPEENNES COMUNIDADES EUROPEAS OPRINDELSESCERTIFIKAT CERTIFICATE OF ORIGIN - CERTIFICAT D'ORIGINE CERTIFICADO DE ORIGEN		
4 Oplysninger vedrørende transport (udfyldning ikke obligatorisk) Proposed means of transport - Expédition prévue par - Espedición prevista por Container no.: SUDU8082750		3 Oprindelsesland - Country of Origin - Pays d'origine - Pais de origen Germany		
		5 Bemærkninger - Additional remarks - des remarques - Comentarios Order No. 2025-0706		
6. Løbenr.	Kolli - Number of packages - Colis - Bultos	Varebeskrivelse - Description of goods - Description des marchandises - Descripción de mercancía		7. Mængde - Quantity - Quantité - Cantidad
	Mærke og nummer	Antal og art		
2432 Cartons Frozen Pork Front Hocks 24.320,00 kgs HS Code: 020329				
8. Undertegnede myndighed/organ bekræfter, at de ovenfor beskrevne varer har oprindelse i det i rubrik 3 nævnte land. The undersigned authority certifies that the above goods originate from the country of point 3. L'autorité soussignée certifie que les marchandises désignées ci dessus sont originaires du pays de la rubrique 3. La autoridad infrascrita certifica que las mercancías arriba mencionadas son su origen del país de la rubrica 3.				
Sted og dato for udstedelsen; myndighedens/organets navn, underskrift og stempel Issued at: date: Name of authority, signature and mark Donné à: Date: Nom de l'autorité, signature et timbre Emitido en: fecha: Nombre de la autoridad, firma y sena				

2018.07



Date: 30.05.2025
Order number: 2025-0706

PACKING LIST

Customer:

NGOC THOM TRADING & SERVICE COMPANY LTD.
12/14/18 Street no. 49, Group 7, Hiep Binh Chanh ward
Thu Duc city, Ho Chi Minh city, Vietnam

Container no. SUDU8082750

Item:	Carton	Net weight	Gross weight
Frozen Pork Front Hocks	2432	24.320,00 kgs	26.241,280 kgs
Total weight	2432	24.320,00 kgs	26.241,280 kgs



Dương Xuân Ngọc

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22, 9200 Aalborg SV, Denmark
Vat: 41456973
Phone: + 45 39 39 05 66
www.wimfood.com

WIM FOOD A/S
Vandmanden 22
9200 Aalborg SV
Denmark



NOTICE OF CONTRACT QUANTITY ADJUSTMENT

Contract No.: 2025-0706

Invoice No.: 203762

Date: 30 May 2025

Pursuant to the terms of **Contract No. 2025-0706**, the original agreement between the two parties was as follows:

- **Contracted Quantity:** 25,000 KGS
- **Unit Price:** USD 1.95 / KGS
- **Total Contract Value:** USD 48,750.00

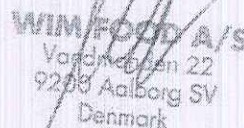
However, based on the actual delivery recorded in Invoice No. 203762, the quantity has been adjusted as follows:

- **Actual Delivered Quantity:** 24,320 KGS
- **Unit Price:** USD 1.95 / KGS
- **Actual Total Value:** USD 47,424.00

Accordingly, the total contract value is adjusted to **USD 47,424.00**, based on the actual delivered quantity.

This notice serves as an official amendment to the original contract terms. Kindly acknowledge and update your records accordingly.


CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
NGỌC THIÊN
M.S.D.N. 0309391503-C.T. (VN)
TP. HỒ CHÍ MINH
Giám đốc
Đặng Xuân Ngọc


WIM/FOOD A/S
Vardneboen 22
9200 Aalborg SV
Denmark



NOTICE OF CONTRACT QUANTITY ADJUSTMENT

Contract No.: 2025-0705

Invoice No.: 203760

Date: 30 May 2025

Pursuant to the terms of Contract No. 2025-0705, the original agreement between the two parties was as follows:

- **Contracted Quantity:** 25,000 KGS
- **Unit Price:** USD 1.95 / KGS
- **Total Contract Value:** USD 48,750.00


Based on the actual delivery as stated in Invoice No. 203760, the quantity delivered has been adjusted as follows:

- **Actual Delivered Quantity:** 24,480 KGS
- **Unit Price:** USD 1.95 / KGS
- **Actual Total Value:** USD 47,736.00

Accordingly, the total contract amount is adjusted to **USD 47,736.00**, reflecting the actual delivered quantity.

This notice serves as an official adjustment record to the above-mentioned contract. Please acknowledge and update your records accordingly.


Giám đốc
Dặng Xuân Ngọc


WIM FOOD A/S
Vandemøllevej 22
9200 Aalborg SV
Denmark